



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ PHÂN BÓN HÒA SINH**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	Số: 13 /CK-HS
ĐẾN Số: 11383	
Ngày: 6/4/15	
Chuyển: <i>My Hoa</i>	
Lưu hồ sơ số:	

Ngày 03 tháng 04 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hòa Sinh

Mã chứng khoán: HSI

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083 7990 177

Fax: 083 7949 051

Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Hạnh

Địa chỉ: Hòa Bình 2, Hiệp Hòa, Đức Hòa, Long An

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0982 897 498

Fax: 083 7949 051

Ngày 28/03/2015 Công ty có công văn số 11/CK-HS công bố Báo cáo thường niên năm 2015 cho Quý cơ quan. Tuy nhiên do sơ xuất, đã không đính kèm báo cáo kiểm toán hợp nhất và báo cáo riêng năm 2014.

Nay Công ty xin phép được bổ sung tài liệu đính kèm cho đầy đủ.

Rất mong Quý cơ quan thông cảm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Người được ủy quyền công bố thông tin

TRƯƠNG THỊ HẠNH

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11 /CK-HS

Ngày 28 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh

Mã chứng khoán: HSI

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083 7990 177

Fax: 083 7949 051

Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Hạnh

Địa chỉ: Hòa Bình 2, Hiệp Hòa, Đức Hòa, Long An

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0982 897 498

Fax: 083 7949 051

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo thường niên năm 2015

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày /03/2015 tại đường dẫn www.hsi.com.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin


TRƯƠNG THỊ HẠNH

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03/2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

– Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh
– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 03 tháng 12 năm 2007.

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Ấp 5, Xã Phạm văn Cội, Huyện Cù Chi, TP Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 083 7990 170
- Số fax: 083 7949 051
- Website: www.hsi.com.vn
- Mã cổ phiếu: HSI

2. Quá trình hình thành và phát triển

– Quá trình hình thành và phát triển:

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh (Hóa Sinh) tiền thân là Xi Nghiệp phân bón Hóa Sinh của Công ty Thanh Bình trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng, Bộ quốc phòng và chính thức chuyển sang cổ phần hóa theo Quyết định số 1918/QĐ-QP ngày 09/09/2003 của Bộ trưởng Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thanh Bình thành 03 Công ty cổ phần thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng trong đó có Công ty Cổ phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/09/2005.

Ngày niêm yết: 12/12/2007.

Ngày chính thức giao dịch: 21/12/2007.

Từ một đơn vị sản xuất phân bón nhỏ với sản lượng hàng năm vài nghìn tấn, Hóa Sinh đã không ngừng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết bị, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, sắp xếp lại tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao hơn. Sản phẩm chủ yếu của Hóa Sinh là phân bón NPK với thương hiệu "Con Trâu" đã trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, đạt được nhiều danh hiệu và giải thưởng chất lượng như: Giải thưởng chất lượng Việt Nam, Giải thưởng Bông lúa vàng, Giải thưởng đơn vị có sản phẩm được người tiêu dùng ưa thích, Topten Phân bón, Giải Cúp vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam, Cúp vàng nông nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp điển hình sáng tạo Nông nghiệp và nhiều huy chương và bằng khen khác.

– Các sự kiện khác: Năm 2011, năm đầu tiên tổng doanh thu của Công ty chạm mốc một nghìn tỉ đồng và cũng là năm đầu tiên nhiệm kỳ 2 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp.

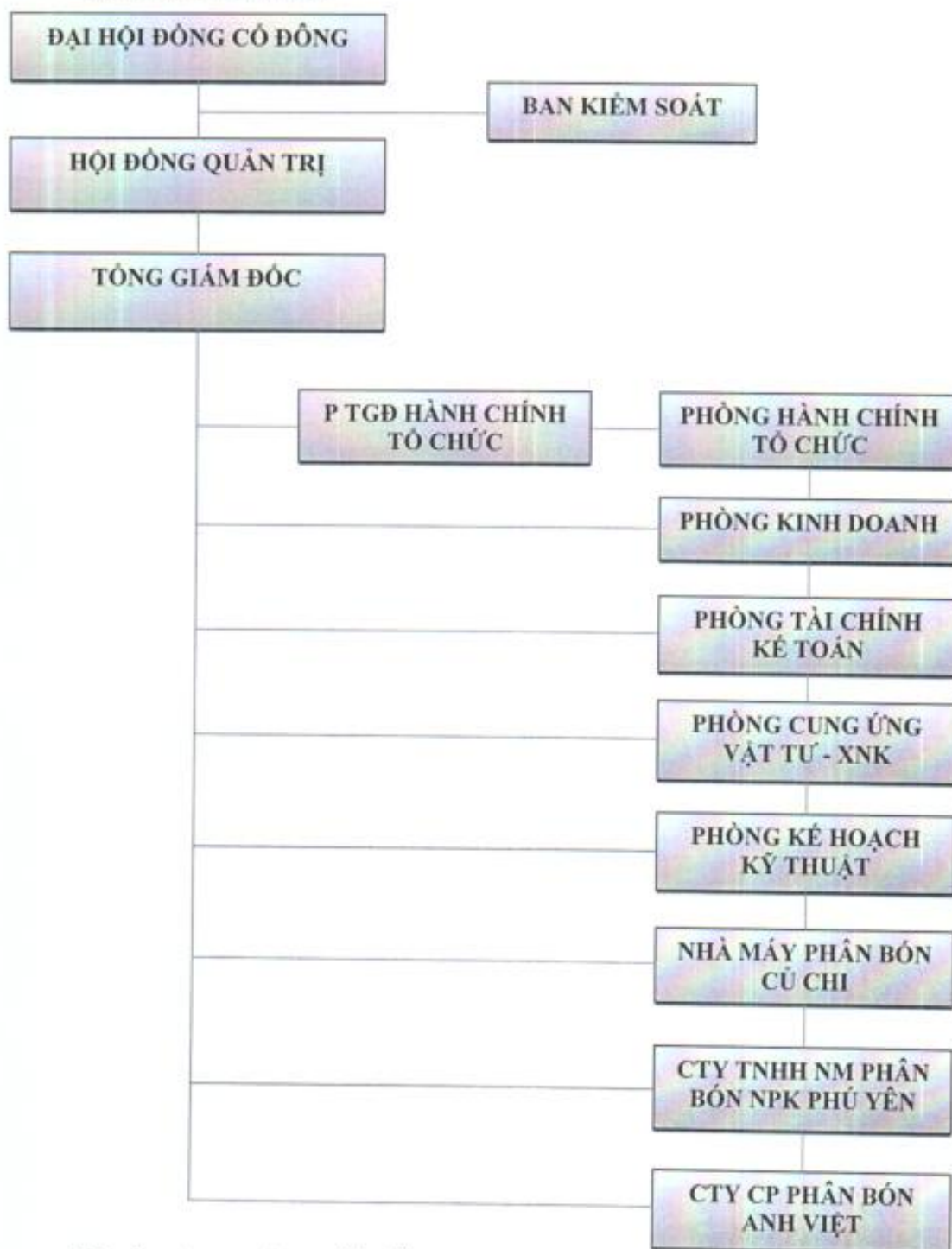
– Địa bàn kinh doanh: Miền Trung – Tây Nguyên - Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị: Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

– Cơ cấu bộ máy quản lý:



– Các công ty con, công ty liên kết:

3-4-103
CÔNG
ĐẠI
TỔNG
PHÂN
HÒA S
ĐH - T

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Công Ty TNHH Nhà Máy phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX. Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	45.000.000.000	100,00%
Công ty cổ phần Phân Bón Anh Việt	Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP.HCM	4.508.000.000	56,35 %

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phần đầu là doanh nghiệp quân đội sản xuất phân bón hàng đầu của cả nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nâng cao năng lực sản xuất, phần đầu đạt sản lượng sản xuất tiêu thụ một triệu tấn /năm, mở rộng thị trường tiêu thụ chính ra cả ba nước Đông Dương: Việt Nam – Lào – Cambodia và xuất khẩu sang các nước khác.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: hướng đến nền công nghiệp sản xuất xanh sạch, sử dụng các nguồn lực xã hội theo hướng bền vững, phần đầu trở thành doanh nghiệp lớn và thân thiện với cộng đồng

6. Các rủi ro

- Môi trường cạnh tranh gay gắt trong nước và thế độc quyền cung cấp phân đạm của tập đoàn dầu khí Việt Nam, nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế do chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
					TH 2014 / TH 2013	TH 2014 / KH 2014
1	Sản lượng sản xuất (tấn)	34.423	40.000	24.563	71,35	61,40
2	Tổng doanh thu	521.179	600.000	297.785	57,14	49,63
3	Lợi nhuận trước thuế	-76.496	10.000	-46.223	-	-

Kết quả sản xuất kinh doanh kinh doanh năm 2014 nhìn chung không tốt, các chỉ tiêu so với kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên 2014 ngày 15 tháng 03 năm 2014 đề ra đạt ở mức thấp. Nguyên nhân là do các nhân tố sau:

- Năm 2014, nền kinh tế toàn cầu cũng như trong nước vẫn chưa thoát khỏi tình trạng trì trệ. Giá cả hàng hóa sau một thời gian tăng cao đã làm cho sức cầu sụt giảm nghiêm trọng dẫn đến hàng hóa bị ứ đọng không lưu thông được.

– Năm qua, thị trường tín dụng trong nước vẫn chưa có nhiều chuyển biến khả quan, lãi suất ngân hàng vẫn còn ở mức khá cao tiếp tục tạo gánh nặng tài chính lên các doanh nghiệp. Sức mua yếu nên hàng tồn kho giải phóng chậm, đồng vốn chậm quay vòng làm cho chi phí sử dụng vốn gia tăng.

– Cạnh tranh trên thị trường trở nên khốc liệt hơn do sự xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp hoạt động trong ngành phân bón. Với chính sách thông thoáng cho đầu tư kinh doanh, các Công ty sản xuất phân bón được thành lập ồ ạt mà chủ yếu hoạt động với quy mô nhỏ, đua nhau giành giật thị trường. Từ đó, môi trường kinh doanh gặp khó khăn làm xuất hiện những hình thức cạnh tranh không lành mạnh.

– Tình hình giá cả nông sản, lúa gạo có chiều hướng đi xuống trong cả năm nên nông dân phần nào hạn chế việc đầu tư phân bón. Bên cạnh đó, giá cao su cũng sụt giảm, cùng với đó là điều kiện thời tiết đầu năm không thuận lợi làm cho nông dân càng giảm đầu tư cho cây trồng. Đặc biệt là đối với cao su, một số nơi ngưng hẳn bón phân do giá cao su xuống thấp, sản lượng toàn ngành giảm rất nhiều.

– Ngoài ra, trong năm 2014, do Công ty tập trung vào khâu cải tiến máy móc, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất nên lĩnh vực marketing có phần hạn chế, do đó ấn tượng về sản phẩm của Công ty chưa được nâng cao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Tổng Giám đốc – Ông Huỳnh Nghĩa

- Họ và tên: HUỖNH NGHĨA
- Số CMND: 023827405
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/04/1952
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 132 Sư Vạn Hạnh, P. 12, Q. 10, Tp. HCM
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1993 - 2000: Giám đốc Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh trực thuộc Công ty Thanh Bình, Tổng cục công nghiệp Quốc Phòng, Bộ Quốc Phòng.
 - 2000 - 2005: Phó Giám đốc Công ty Thanh Bình
 - 2005 – 26/03/2011: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
 - Từ 26/03/2011 – 29/03/2013: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
 - Từ 30/03/2013 – 14/03/2014: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - Từ 15/03/2014 – 13/08/2014: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh kiêm Tổng giám đốc.
 - Từ 13/08/2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 268.268 cổ phần
 - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
 - Vợ là Bà Ôn Lệ Hồng nắm giữ 422.202 cổ phần
 - Con là Bà Huỳnh Hồng Phương nắm giữ 244.116 cổ phần
 - Em Huỳnh Thanh Liêm nắm giữ 35.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Tấn Quốc

- Họ và tên: NGUYỄN TẤN QUỐC
- Số CMND: 280326959
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/05/1965
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 72 Cách Mạng Tháng 8, Xã Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kinh tế nông nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 1985 – 2010: Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Bình Dương.
 - 2010 – 13/08/2014: Giám đốc Kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
 - 13/08/2014 – nay: Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần
 - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c. Phó Tổng Giám đốc - Ông Vũ Xuân Ngọc:

- Họ và tên: VŨ XUÂN NGỌC
- Số CMND: 024012968
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/08/1956



- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Ấp Bầu Tre, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Quản lý doanh trại
- Quá trình công tác:
 - 1975 – 1993: Trợ lý Công ty Thanh Bình
 - 1993 – 2000: Trưởng Ban hành chính Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh
 - 2000 – 08/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh
 - 09/2005 – nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d. Kế toán trưởng – Bà Nguyễn Anh Phương:

- Họ và tên: NGUYỄN ANH PHƯƠNG
- Số CMND: 300981578
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1973
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: Bình Tiền I, xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1997 – 1999: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH TM-SX Tường Phong
 - 2000 – 05/2007: Kế toán tổng hợp Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
 - 06/2007 – nay: Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

6103
CÔNG
PHẦN
VẬT TƯ
TỔNG HỢP
VÀ PHÂN
BÓN HÓA S
INH

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần
 - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Ông Nguyễn Thành Thảo số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 16/04/2014: Bà Nguyễn Thị Kim Loan từ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hòa Sinh.
- Ngày 13/08/2014: Ông Huỳnh Nghĩa – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và Ông Nguyễn Tấn Quốc – Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hòa Sinh.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm ngày 31/12/2014: 232 người, trong đó:
 - ✓ Lao động có trình độ đại học và trên đại học: 26 người
 - ✓ Lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp: 44 người
 - ✓ Lao động phổ thông và nhân viên khác: 162 người
- Chính sách đối với người lao động:
 - ✓ Chính sách đào tạo:
 - Hòa Sinh chú trọng vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý đối với các cán bộ quản lý, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đối với các nhân viên và công nhân sản xuất. Việc đào tạo được thực hiện theo hình thức đào tạo nội bộ và cử đi đào tạo ở các cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ.
 - ✓ Chính sách lương, thưởng:
 - Hòa Sinh xây dựng chế độ lương, thưởng riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ nhân viên trong công ty, góp phần tăng năng suất, chất lượng và hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách xét thưởng theo bình bầu ABC và xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Hòa Sinh thực hiện chế độ cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào văn thể mỹ.
 - Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.
 - ✓ Chính sách trợ cấp
 - Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc tại Công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định trong thỏa ước lao động tập thể như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hỉ, ốm đau, ... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó lâu dài với Công ty nơi người lao động.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự án xây dựng và triển khai Dự án phát triển Nhà máy phân bón tại Bến Lức – Long An. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa tiến hành thực hiện dự án này vì tình hình kinh tế không thuận lợi.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư cải tiến toàn bộ máy móc, thiết bị đặc biệt là hệ thống máy ép tạo hạt nhằm nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty TNHH nhà máy phân bón NPK Phú Yên:

❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				TH 2014 /TH 2013	TH 2014 /KH 2014
Sản lượng SX (tấn) không bao gồm phân đơn	9.937	11.000	5.909	59,46	53,72
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	23.346	11.000	5.554	23,79	50,49
Doanh thu (triệu)	251.894	99.000	64.704	25,69	65,36

Mặc dù Công ty có lợi thế là sở hữu một dây chuyền máy móc với công nghệ hiện đại, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu khách hàng cộng với các dòng sản phẩm 1 màu nhưng năm 2014 Công ty chỉ sản xuất đạt được 53,72% so với kế hoạch đặt ra và giảm 40,54% so với năm 2013. Nguyên nhân là do các yếu tố sau đây:

✓ **Yếu tố khách quan:**

- Năm 2014 là năm nền kinh tế của nước ta chịu nhiều ảnh hưởng từ tình hình biến động chung của thế giới như: biến động về giá cả, biến động về nguồn cung và nhu cầu các mặt hàng.

- Mặt khác, khu vực Tây Nguyên là mảng thị trường chủ lực tiêu thụ các mặt hàng của Công ty, nhưng trong năm 2014, giá cả nông sản giảm, đặc biệt là cây cao su làm cho vòng quay vốn của người dân hạn hẹp dẫn đến việc đầu tư phân bón giảm sút.

- Các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường không đảm bảo chất lượng ngày càng nhiều, phong phú, đa dạng về chủng loại, mặt hàng, giá rẻ cộng với nhiều ưu đãi và khuyến mãi khác thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng.

✓ **Yếu tố chủ quan:**

- Các sản phẩm của Công Ty tuy đã có thương hiệu từ lâu nhưng do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan đã dần vắng bóng trên thị trường vì vậy trong một thời gian người tiêu dùng đã quen với các sản phẩm khác nên sự khắc phục lại cũng gặp nhiều khó khăn.

- Do đội ngũ nhân viên giám sát thị trường còn ít nên không thể thường xuyên bám sát từng khu vực thị trường để tìm hiểu tâm lý cũng như nhu cầu người tiêu dùng qua đó có những biện pháp xúc tiến bán hàng kịp thời.

- Giá bán các mặt hàng phân bón trong năm 2014 biến động do chính sách thuế của ngành phân bón tạo cho khách hàng tâm lý chờ đợi giảm giá vào thời điểm cuối năm.

❖ Tình hình tài chính:

✓ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	155.053.615.362	130.061.995.831	-16,11
Doanh thu thuần	251.894.247.536	65.144.667.256	-74,13
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.275.210.789)	(5.174.197.261)	-
Lợi nhuận khác	123.858.486	(2.777.106)	-
Lợi nhuận trước thuế	(7.151.352.303)	(5.176.974.367)	-
Lợi nhuận sau thuế	(7.151.352.303)	(5.176.974.367)	-

✓ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,01	1	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,34	0,29	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,76	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,19	3,08	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,48	0,86	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,62	0,5	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,03)	(0,08)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,19)	(0,16)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,05)	(0,04)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,03)	(0,08)	

b. Công ty cổ phần phân bón Anh Việt:

❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				TH 2014 /TH 2013	TH 2014 /KH 2014
Sản lượng SX (tấn) không bao gồm phân đơn	2.591	5.000	941	36,32	18,82

Chỉ tiêu	Năm 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
				TH 2014 /TH 2013	TH 2014 /KH 2014
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	2.315	5.000	922	39,83	18,44
Doanh thu (triệu)	204.305	15.000	2.992	1,46	19,95

- Công ty Cổ phần phân bón Anh Việt được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0311934531 ngày 17/08/2012.

- Năm 2014, một năm chịu nhiều biến động và tác động bất lợi từ nền kinh tế nói chung, đặc biệt là những tháng cuối năm, tình hình tiêu thụ hàng hóa chính yếu không phát triển mà có xu hướng đi xuống do thị trường hàng hóa nông sản đình trệ, giá cả không ổn định và chiều hướng suy giảm trên diện rộng đối với các đối tượng tiêu thụ phân bón nói chung và phân bón hữu cơ nói riêng.

- Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, sản phẩm, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, giá cả thấp tràn ngập và dần chiếm lĩnh thị trường, trong khi thương hiệu của công ty cũ chưa đủ mạnh nên việc cạnh tranh trên thị trường càng gặp nhiều khó khăn.

❖ Tình hình tài chính:

✓ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	13.450.183.503	7.932.936.529	-41,02
Doanh thu thuần	204.305.898.375	2.992.707.161	-98,54
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.417.884.225)	(1.482.063.937)	-
Lợi nhuận khác	(5.186.358)	5.925.298	-
Lợi nhuận trước thuế	(1.423.070.583)	(1.476.138.639)	-
Lợi nhuận sau thuế	(1.423.070.583)	(1.476.138.639)	-

✓ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,3	2,05	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,64	0,82	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,38	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,11	0,62	

Y&K
CỔ
ĐẠI
TỔNG
PHAI
NOA
CH. 1

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	50,49	0,82	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	15,18	0,38	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,01)	(0,01)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,03)	(0,22)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,01)	(0,11)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,01)	(0,01)	

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	581.802.836.663	456.230.696.855	-21,58
Doanh thu thuần	518.600.383.381	296.908.945.734	-42,75
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(77.759.616.685)	(46.364.974.495)	-
Lợi nhuận khác	1.263.147.116	235.914.108	-81,32
Lợi nhuận trước thuế	(76.496.468.570)	(46.129.060.387)	-
Lợi nhuận sau thuế	(76.496.469.570)	(46.129.060.387)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,83	0,71	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,33	0,34	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,90	0,98	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,17	49,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,41	1,38	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,89	0,65	

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,15)	(0,16)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(1,40)	(5,09)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,13)	(0,10)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,15)	(0,16)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần niêm yết: 10.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 9.885.590 cổ phần.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 114.410 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Danh mục	10.000 đồng	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	943.500	9,44%	1	1	-
2	Cổ đông bên trong	3.230.031	32,30%	18	2	16
	- Cổ đông sáng lập (*)	888.792	8,89%	4	-	4
	- Hội đồng quản trị (**)	1.342.508	13,42%	4	1	3
	- Ban kiểm soát	498.904	4,99%	3	-	3
	- Ban giám đốc (***)	20.000	0,20%	1	-	1
	- Cán bộ công nhân viên	365.417	3,65%	5		5
	- Cổ phiếu quỹ	114.410	1,14%	1	1	-
3	Cổ đông bên ngoài	5.826.469	58,26%	684	8	676
	- Trong nước	4.983.649	49,83%	654	5	649
	- Nước ngoài	842.820	8,42%	30	3	27
	Tổng cộng	10.000.000	100%	703	11	692

Ghi chú:

(*): Không bao gồm cổ đông nhà nước

(**): Không tính số cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị là Cổ đông sáng lập

(***) : Không tính số cổ phần của thành viên Ban giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị

a. Phân loại theo tiêu chí sở hữu:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	02	1.881.740	18,82
Cổ đông nhỏ	701	8.118.260	81,18
Tổng cộng	703	10.000.000	100,00

b. Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	11	2.444.957	24,45
Cổ đông cá nhân	692	7.555.043	75,55
Tổng cộng	703	10.000.000	100,00

c. Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	673	9.157.180	91,57
Cổ đông nước ngoài	30	842.820	8,43
Tổng cộng	703	10.000.000	100,00

d. Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	01	943.500	9,44
Cổ đông khác	702	9.056.500	90,56
Tổng cộng	703	10.000.000	100

e. Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng
1	Tổng cục công nghiệp quốc phòng	28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà nội	943.500
2	Công ty TNHH ITV chứng khoán ngân hàng Đông Á	56-68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM	938.240
TỔNG CỘNG			1.881.740

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 114.410 cổ phiếu.

5.5. Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh (%)	
					TH 2014 / TH 2013	TH 2014 / KH 2014
1	Sản lượng sản xuất (tấn)	34.423	40.000	24.563	71,35	61,40
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	521.179	600.000	297.785	57,14	49,63
3	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	(76.496)	10.000	(46.129)	-	-

Trong năm 2014, doanh thu của Công ty đạt 297.785 triệu đồng, giảm 42,86% so với năm 2013. Các chi phí khác có giảm nhưng mức giảm không tương xứng với mức giảm của doanh thu, đặc biệt chi phí tài chính của Công ty còn ở mức khá cao. Đó là lý do gây lỗ trong năm 2014, mức lỗ là 46.129.060.387 đồng.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Năm 2014, Công ty đã lắp đặt hệ thống máy ép tạo hạt để thực hiện chủ trương chuyển sang sản xuất sản phẩm phân bón NPK một màu với chi phí thấp, chất lượng ổn định, năng suất cao luôn có đủ sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm có biến động lớn. Tổng tài sản công ty đầu năm 2014 là 581,80 tỷ đồng, tổng tài sản công ty cuối năm 2014 là 456,23 tỷ đồng, giảm 125,57 tỷ đồng. Tổng nợ phải thu khách hàng là 149 tỷ đồng, trong đó công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 32,6 tỷ đồng, tương đương 21,8% tổng số nợ phải thu.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả cuối năm là 445,04 tỷ đồng giảm 79,44 tỷ đồng tương đương giảm 15,15% so với đầu năm.

2.3. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

So với đầu năm, nợ phải trả tuy đã giảm nhiều nhưng nợ vay ngân hàng vẫn còn ở mức khá cao làm lãi vay cao. Lãi vay ngân hàng hiện dao động từ 7% / năm đến 9% / năm tùy vào từng hợp đồng vay vốn.

2.4. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Về nợ phải trả thì công ty vẫn thanh toán đúng hạn, chưa ảnh hưởng đến tính thanh khoản. Các khoản vay ngoại tệ của Công ty thấp nên việc ảnh hưởng của chênh lệch tỉ giá là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, đào tạo, tiếp nhận, sắp xếp nhân sự để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công việc, phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.
- Từng bước phát triển và hoàn thiện văn hóa công ty trong quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đại lý, các cơ quan quản lý nhà nước và các nhà đầu tư.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tỷ lệ % so sánh
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	297.785	430.000	44,40
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(46.129)	5.000	-
3	Tổng số sản lượng sản xuất:	Tấn	24.563	40.000	62,85
4	Lao động - tiền lương				
	- Lao động	Người	232	270	16,37
	- Thu nhập bình quân/người/ tháng	Triệu đồng	4,39	4,50	2,51
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	5.459	5.000	-8,41
6	Cổ tức	%	-	-	-

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014, trong bối cảnh chung của nền kinh tế toàn cầu, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh cũng có những thuận lợi, khó khăn tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị (HDQT) đánh giá những kết quả đáng chú ý của Công ty như sau:

- Tình hình thị trường năm 2014 còn nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: lãi suất ngân hàng còn ở mức cao, cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường, giá nông sản thấp không khuyến khích nông dân đầu tư thâm canh nên thị trường tiêu thụ phân bón giảm.

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 297.785.742.113 đồng, bằng 57,14 % doanh thu của năm 2013.

- Thương hiệu phân bón “Con trâu” đã giữ vững uy tín của Hoá Sinh trên thị trường và ngày càng được người tiêu dùng tin tưởng. Đồng thời, sản phẩm của Công ty xuất ra nước ngoài cũng đã có được chỗ đứng bên cạnh các nước có truyền thống sản xuất phân bón như Trung Quốc, Philipin, ...

- Bên cạnh đó, việc tham gia vào thị trường chứng khoán cũng đã góp phần nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn – hậu quả từ những bất ổn kinh tế vĩ mô và khủng hoảng kinh tế, với sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

– Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt kịp thời. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

– Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao công tác điều hành của ban giám đốc. Mặc dù năm 2014 Công ty có nhiều khó khăn trong công tác huy động vốn và đảo hạn nhưng ban giám đốc đã cố gắng điều hành công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất.

– Tuy không hoàn thành 100% kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã đề ra, nhưng Công ty đã nỗ lực phát huy những thuận lợi, biết khắc phục khó khăn để tồn tại và từng bước phát triển trên thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

– Đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ; Hoàn chỉnh các Quy chế, Quy trình và Quy định trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, đảm bảo kinh doanh linh hoạt và đạt hiệu quả nhất.

– Bám sát kế hoạch giá thành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được phê duyệt.

– Tăng cường công tác quảng cáo, quảng bá xây dựng hình ảnh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

– Phát triển sản phẩm mới, đa dạng phù hợp với nhiều vùng đất, nhiều loại, cây trồng.

– Củng cố, giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng thêm một số thị trường mới.

– Xây dựng chính sách giá trong giai đoạn sắp tới để phù hợp với sự biến động giá của thị trường.

– Tiếp tục hoàn chỉnh việc nâng cấp thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã, tiết kiệm nguyên vật liệu, giá thành phù hợp tạo ra nhiều cơ hội hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Huỳnh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	2,68%
2	Nguyễn Minh Phúc	Thành viên độc lập không điều hành	1,11%
3	Nguyễn Tấn Quốc	Thành viên	0,25%
4	Phạm Thái Bình	Thành viên không điều hành	0%
5	Nguyễn Thành Thảo	Thành viên	0%

STT	Số nghị quyết / Quyết định	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Kết quả
8	41/NQ-CTHS	13/08/2014	Quyết định: Thông qua việc cử ông Huỳnh Nghĩa – Chủ tịch HĐQT hoặc ông Nguyễn Tấn Quốc – Thành viên Hội đồng quản trị ký kết các hợp đồng, chứng từ liên quan đến các hợp đồng cầm cố hàng hóa tại Ngân hàng TMCP Đông Á.	Chấp thuận với tỷ lệ 100%
9	49/NQ-CTHS	06/11/2014	Quyết định: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của ông Cao Thanh Định. Thông qua việc bầu bổ sung ông Phạm Thái Bình làm Thành viên HĐQT.	Chấp thuận với tỷ lệ 100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc về việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ, quyết định của HĐQT, xây dựng các đề án, dự án kinh doanh.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng định giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc gửi báo cáo HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không thành lập các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên hội đồng quản trị Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Năm qua, do bận nhiều công việc nên các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các chương trình về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

3.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Đặng Thanh Tùng	Thành viên	0,03 %

LƯU AT
 CC
 BPH
 TONG
 PHAI
 NOA
 CH-1

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
2	Huỳnh Thanh Điền	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 15/03/2014	4,96%
3	Huỳnh Minh Thư	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 15/03/2014	0,00002%

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014 các thành viên của Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình, chấp hành đúng Pháp luật và điều lệ của Công ty, tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý và điều hành, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Xem xét, tham gia góp ý với Hội Đồng Quản Trị trong các vấn đề xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch xây dựng chiến lược định hướng phát triển của Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong quá trình quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.
- Phối hợp cùng Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét tính minh bạch quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán nêu ra.

Các cuộc họp của ban kiểm soát: Trong năm 2014, Ban kiểm soát có tổ chức 03 cuộc họp với nội dung như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	21/04/2014	Bầu trưởng ban kiểm soát Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 1/2014
2	26/07/2014	Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 2/2014
3	24/10/2014	Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 3/2014

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS Công ty là 3% trên lợi nhuận sau thuế, nhưng do Công ty



không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, lợi nhuận âm nên không được trích quỹ thù lao.

– Trong năm 2014, thực hiện công tác chỉ đạo hoạt động Công ty, HĐQT Công ty đã liên tục giám sát hoạt động của các công ty con. Tổng chi phí phát sinh cho công tác này là: 44.800.000 đồng. Năm qua, Ban kiểm soát Công ty cũng thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, chi phí phát sinh cho việc này là: 22.400.000 đồng.

b. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Huỳnh Nghĩa	Chủ tịch	270.000.000	25.200.000		295.200.000
2	Nguyễn Tấn Quốc	TGD	155.000.000	17.200.000		172.200.000
3	Vũ Xuân Ngọc	Phó TGD	102.000.000	8.700.000		110.700000
4	Nguyễn Anh Phương	Kế toán trưởng	180.000.000	15.200.000		195.200.000
TỔNG CỘNG			707.000.000	66.300.000		773.300.000

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện tốt các qui định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: (Xem file đính kèm)

– Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã kiểm toán của Công ty được công bố trên website: www.hsi.com.vn.

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật Công ty



HUỲNH NGHĨA



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014



Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 38205944 - 38205947; Fax: 38205942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xi nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2014 là **100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Công ty con

1. Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên

Địa chỉ : KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
Tỷ lệ sở hữu vốn và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

2. Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt

Địa chỉ : Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ sở hữu vốn và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 56,35%.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 46.129.060.387 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 76.496.469.570 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014 là 123.133.770.089 VND (Tại thời điểm 31/12/2013 lợi nhuận chưa phân phối là 77.649.044.218 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Chủ tịch	
Ông CAO THANH ĐỊNH	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 06/11/2014)
Ông NGUYỄN THÀNH THẢO	Thành viên	
Ông NGUYỄN MINH PHÚC	Thành viên	
Ông NGUYỄN TẤN QUỐC	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Ông PHẠM THÁI BÌNH	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/11/2014)



Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Ông HUỖNH NGHĨA	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 13/08/2014)
Ông NGUYỄN TẤN QUỐC	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 13/08/2014)
Ông VŨ XUÂN NGỌC	Phó Tổng Giám đốc	
Bà NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Phó Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 16/04/2014)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Ông ĐẶNG THANH TÙNG	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2014)
Bà TRƯƠNG THỊ HẠNH	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 12/03/2014)
Bà LÊ THỊ SÂM	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 12/03/2014)
Ông HUỖNH THANH ĐIỀN	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Bà HUỖNH MINH THƯ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)

Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chỉ định thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

TM Hội đồng Quản trị



HUỖNH NGHĨA
Chủ tịch HĐQT



Số: 98.../BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh, được lập ngày 16/01/2015, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị Tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,7% so với Tổng tài sản của Tập đoàn; Doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng là 1% so với Doanh thu của toàn Tập đoàn (xem Thuyết minh)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 130.226.271.275 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể gặp khó khăn. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Kiểm toán viên điều hành



PHÙNG VĂN THẮNG
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0650-2013-142-1

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0064-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314.814.222.153	434.590.939.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.300.029.051	3.957.346.784
1. Tiền	111	V.1	4.300.029.051	3.957.346.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.387.661.803	130.750.666.113
1. Phải thu khách hàng	131		149.149.510.132	162.073.489.867
2. Trả trước cho người bán	132		446.413.228	882.665.550
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	394.152.760	396.925.013
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(32.602.414.317)	(32.602.414.317)
IV. Hàng tồn kho	140		163.060.499.670	263.717.815.367
1. Hàng tồn kho	141	V.3	163.060.499.670	263.717.815.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.066.031.629	36.165.111.288
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.447.650.881	2.411.951.111
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.454.899.718	27.836.636.776
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	717.540.642	717.542.474
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.445.940.388	5.198.980.927



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.416.474.702	147.211.924.111
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		133.082.829.318	141.518.868.297
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	65.728.551.915	79.623.941.109
- Nguyên giá	222		141.599.999.835	146.241.135.851
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(75.871.447.920)	(66.617.194.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	67.354.277.403	61.894.927.188
III. Bất động sản đầu tư	240		3.000.000.000	-
- Nguyên giá	241		3.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	5.025.515.000	5.025.515.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		425.000.000	425.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		4.600.515.000	4.600.515.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		308.130.384	667.540.814
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		211.259.384	570.669.814
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		96.871.000	96.871.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		456.230.696.855	581.802.863.663



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		445.040.493.428	524.483.599.849
I. Nợ ngắn hạn	310		445.040.493.428	524.483.599.849
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	328.668.800.000	396.883.689.894
2. Phải trả người bán	312		31.236.259.121	15.774.668.713
3. Người mua trả tiền trước	313		543.767.294	613.872.054
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.391.358	2.185.800
5. Phải trả người lao động	315		1.308.313.390	1.364.031.001
6. Chi phí phải trả	316	V.12	30.331.210	401.042.009
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	83.336.809.893	110.478.957.156
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(87.178.838)	(1.034.846.778)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.054.452.899	54.539.178.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	9.054.452.899	54.539.178.770
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.952.300.000	8.952.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.828.530.607	13.828.530.607
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.799.917.279	10.799.917.279
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(123.133.770.089)	(77.649.044.218)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.135.750.528	2.780.085.044
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		456.230.696.855	581.802.863.663



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		13.219.559.679	13.219.559.679
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.085,55	1.041,32
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯỢNG

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2015
Chủ tịch HĐQT

HUYỀN NGHĨA



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	297.785.742.113	521.178.739.694
2. Các khoản giảm trừ	02	V.17	876.796.379	2.578.356.313
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18	296.908.945.734	518.600.383.381
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	293.703.110.153	504.824.709.325
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.205.835.581	13.775.674.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	1.196.170.068	1.506.581.528
7. Chi phí tài chính	22	V.21	34.017.636.819	51.637.538.099
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			33.656.250.608	50.426.553.628
8. Chi phí bán hàng	24		5.704.614.400	2.075.465.683
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.044.728.925	39.328.868.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(46.364.974.495)	(77.759.616.686)
11. Thu nhập khác	31		6.529.132.007	7.405.392.895
12. Chi phí khác	32		6.293.217.899	6.142.245.779
13. Lợi nhuận khác	40		235.914.108	1.263.147.116
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(46.129.060.387)	(76.496.469.570)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.23	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(46.129.060.387)	(76.496.469.570)
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(644.334.516)	(621.170.309)
20. Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(45.484.725.871)	(75.875.299.260)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.24	(4.601)	(7.675)



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2015
 Chủ tịch HĐQT

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

HUYỀN NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	330.772.108.085	798.366.085.803
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(170.355.899.578)	(508.194.716.646)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(14.656.225.634)	(15.481.075.469)
4. Tiền chi trả lãi vay	(33.656.250.608)	(51.276.020.066)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	-	(57.735.975)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.169.248.362	98.862.743.080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(48.753.822.632)	(195.548.977.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	71.519.157.995	126.670.302.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(8.628.021.648)	(18.764.496.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	5.141.585.714	8.619.252.392
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	524.850.100	1.106.407.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.961.585.834)	(9.038.836.271)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	791.869.393
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	75.860.000.000	300.250.250.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(143.874.889.894)	(423.372.901.106)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(68.214.889.894)	(122.330.781.713)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	342.682.267	(4.699.315.187)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.957.346.784	8.656.661.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.300.029.051	3.957.346.784

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2015
Chủ tịch HĐQT

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

HUYNH NGHĨA



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xi nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

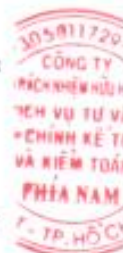
Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2014 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

Số lượng các Công ty được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên (Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ là 100%). Tổng giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 là 45.000.000.000 đ.

Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt (Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ là 56,35%). Tổng giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 là 4.508.000.000 đ.



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính:

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí chung được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08-30 năm
- Máy móc thiết bị	05-07 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-07 năm
- Phần mềm quản lý	04-05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.



5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỉ lệ vốn hóa đối với chi phí vốn hóa bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất dở dang.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

14. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán có liên quan.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;



+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

	31/12/2014	01/01/2014
1. TIỀN	VND	VND
Tiền mặt	1.448.135.833	554.773.865
Tiền gửi ngân hàng	2.851.893.218	3.402.572.919
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	4.300.029.051	3.957.346.784
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận đã tạm chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Các khoản phải thu khác	394.152.760	396.925.013
Tổng cộng	394.152.760	396.925.013
3. HÀNG TỒN KHO	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng gửi đi bán	1.077.145	12.495.440
Nguyên liệu, vật liệu	121.737.075.496	226.467.983.610
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	706.584.026	1.236.039.700
Thành phẩm	40.615.763.003	36.001.296.617
Tổng cộng	163.060.499.670	263.717.815.367
4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế TNDN	714.542.474	714.542.474
Các khoản khác phải thu Nhà nước	2.998.168	3.000.000
Tổng cộng	717.540.642	717.542.474
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1.415.940.388	2.168.980.927
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	3.030.000.000
Tổng cộng	1.445.940.388	5.198.980.927

5011200
 CÔNG TY
 TNHH
 VẬT TƯ V
 HÓA SINH
 KIỂM TOÁN
 HÓA NAM
 TP. HỒ C

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	67.646.022.476	40.693.725.097	34.949.610.404	1.948.363.274	1.003.414.600	146.241.135.851
2. Số tăng trong kỳ	86.385.000	2.667.477.273	43.984.121	-	-	2.797.846.394
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua sắm mới	-	2.667.477.273	43.984.121	-	-	2.711.461.394
- Xây dựng mới	86.385.000	-	-	-	-	86.385.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	7.438.982.410	-	-	7.438.982.410
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	7.438.982.410	-	-	7.438.982.410
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	67.732.407.476	43.361.202.370	27.554.612.115	1.948.363.274	1.003.414.600	141.599.999.835

II. Giá trị hao mòn lũy kế

1. Số dư đầu năm	33.217.853.365	15.379.175.726	15.633.799.826	1.756.519.550	629.846.275	66.617.194.742
2. Khấu hao trong kỳ	3.711.584.567	5.310.273.718	2.782.763.011	140.381.684	191.442.418	12.136.445.398
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.882.192.220	-	-	2.882.192.220
<i>Gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.882.192.220	-	-	2.882.192.220
4. Số dư cuối kỳ	36.929.437.932	20.689.449.444	15.534.370.617	1.896.901.234	821.288.693	75.871.447.920

III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH

1. Tại ngày đầu năm	34.428.169.111	25.314.549.371	19.315.810.578	191.843.724	373.568.325	79.623.941.109
2. Tại ngày cuối kỳ	30.802.969.544	22.671.752.926	12.020.241.498	51.462.040	182.125.907	65.728.551.915

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.063.693.939 VND.



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm			-
<i>Bao gồm:</i>			
- Mua trong năm		-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN		-	-
- Tăng do hợp nhất KD		-	-
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
<i>Bao gồm:</i>			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
<i>Bao gồm:</i>			
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm		-	-
2. Tại ngày cuối năm		-	-



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHẦN BÓN HÓA SINH**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
- Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	10.198.797.442		10.198.797.442	
- Chế tạo hệ thống máy nghiền, ống sấy	55.819.674.497		51.696.129.746	
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.335.805.464		-	
Tổng cộng	67.354.277.403		61.894.927.188	
9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		425.000.000		425.000.000
- Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường (*)		425.000.000		425.000.000
b) Đầu tư dài hạn khác		4.600.515.000		4.600.515.000
- Đầu tư cổ phiếu				
+ Cổ phiếu công ty cổ phần Mộc Hóa (MJC)	173.379	1.733.790.000	173.379	1.733.790.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	344.489	2.866.725.000	305.982	2.866.725.000
Tổng cộng		5.025.515.000		5.025.515.000

Ghi chú : (*) Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phần bón Hóa Sinh góp 39% vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000đ). Đến thời điểm 31/12/2014 số vốn thực tế đã góp là 425.000.000 đ.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VND) (1)	318.507.800.000		345.484.689.894	
- Ngân hàng TMCP Đông Á (USD)	-		-	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND) (2)	-		19.500.000.000	
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (USD)	-		-	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (VND)	-		-	
- Ngân hàng Đông Á-CN Bình Định (VND) (3)	9.161.000.000		30.599.000.000	
- Vay cá nhân (4)	1.000.000.000		1.300.000.000	
Tổng cộng		328.668.800.000		396.883.689.894

Ghi chú :

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất 7% đến 9% /năm.

(2): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 6 tháng, lãi suất 11.1% đến 13% /năm tùy từng thời điểm.

(3): Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Bình Định, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 12% đến 13% (điều chỉnh theo kỳ).

(4): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay vốn, với lãi suất 12%/năm.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.391.358	2.185.800
- Các loại thuế khác	-	-
Tổng cộng	3.391.358	2.185.800
12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
- Lãi vay phải trả	20.000.000	110.710.800
- Lãi mua hàng trả chậm	-	-
- Tiền thuê mặt bằng	-	279.999.999
- Chiết khấu bán hàng	-	-
- Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
Tổng cộng	30.331.210	401.042.009
13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC		
- BHXH, BHYT, BHTN	18.945.052	(2.265.815)
- Kinh phí công đoàn	270.094.271	289.766.401
- Cổ tức phải trả	656.570	656.570
- Mượn tạm vốn kinh doanh: (*)		
+ Ông Huỳnh Thanh Liêm	-	5.576.321.000
+ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	-	16.000.000.000
+ Bà Ôn Lệ Hồng	10.381.114.000	15.870.179.000
+ Ông Huỳnh Thanh Điền	16.100.000.000	18.200.000.000
+ Bà Huỳnh Hồng Phương	56.550.000.000	53.000.000.000
+ Cty TNHH SX TM Thiên Thành Lộc	-	1.500.000.000
- Phải trả khác	16.000.000	44.300.000
Tổng cộng	83.336.809.893	110.478.957.156
<i>Ghi chú: (*) là các khoản Công ty tạm vay không phải trả lãi vay.</i>		
14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN		
- Vay dài hạn	-	-
- Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	-	-



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quy	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000 (1.392.524.898)	-	-	13.828.530.607	10.799.917.279	-	(1.773.744.958)	130.414.478.030
Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(75.875.299.260)	(75.875.299.260)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000 (1.392.524.898)	-	-	13.828.530.607	10.799.917.279	-	(77.649.044.218)	54.639.178.770
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(45.484.725.871)	(45.484.725.871)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000 (1.392.524.898)	-	-	13.828.530.607	10.799.917.279	-	(123.133.770.089)	9.054.452.899

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND	
Vốn góp của Nhà nước	9.435.000.000	9.435.000.000	9,43%
Vốn góp của các đối tượng kh	90.565.000.000	90.565.000.000	90,57%
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	100%

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	114.410	114.410

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 VND.		

e) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	114.410	114.410
- Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

f) Các quỹ của công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.828.530.607	13.828.530.607
- Quỹ dự phòng tài chính	10.799.917.279	10.799.917.279
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị - đây chuyển công nghệ và để bổ sung vốn điều lệ của công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: Nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của công ty.



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	228.824.011.317	332.092.700.698
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	65.704.937.276	111.220.786.343
- Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	3.256.793.520	77.865.252.653
Tổng cộng	297.785.742.113	521.178.739.694

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	52.440.000	179.357.476
Hàng bán bị trả lại	824.356.379	2.398.998.837
Tổng cộng	876.796.379	2.578.356.313

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	228.771.571.317	330.978.819.573
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	65.144.667.256	111.185.390.393
- Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	2.992.707.161	76.436.173.415
Tổng cộng	296.908.945.734	518.600.383.381

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	226.921.258.799	322.688.619.183
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	63.343.194.532	106.386.350.633
- Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	3.438.656.822	75.749.739.509
Tổng cộng	293.703.110.153	504.824.709.325

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.094.454.079	368.166.814
- Chiết khấu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	699.822.091
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	367.632.075
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	101.578.288	157.466
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	137.701	70.803.082
Tổng cộng	1.196.170.068	1.506.581.528



21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi vay	33.656.250.608	50.426.553.628
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	360.619.330
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	361.386.211	846.025.719
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.339.422
- Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng cộng	34.017.636.819	51.637.538.099

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(45.484.725.871)	(75.875.299.260)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.601)	(7.675)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.442.763.605	523.140.569.137
Chi phí nhân công	12.817.681.324	14.348.419.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.136.445.398	10.694.355.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.697.789.750	5.412.517.547
Chi phí khác bằng tiền	10.107.762.259	36.685.797.555
Tổng cộng	249.202.442.336	590.281.659.290

26. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí tiền lương	698.346.154	769.773.566
- Thù lao	-	-
Tổng cộng	698.346.154	769.773.566



VI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02.

3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.300.029.051	3.957.346.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.941.248.575	129.868.000.563
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	30.000.000	3.030.000.000
Tổng cộng	126.296.792.626	141.880.862.347
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	328.668.800.000	396.883.689.894
Phải trả người bán và phải trả khác	114.573.069.014	126.253.625.869
Chi phí phải trả	30.331.210	401.042.009
Tổng cộng	443.272.200.224	523.538.357.772

5011726
CÔNG TY
HỢP NHỮU
VẬT TƯ &
HÓA SINH KẾ T
KIỂM TỌA
ĐIỂM NAM
TP. HỒ C

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

5. Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	772.411.600	780.922.000	31.473.939.135	24.089.958.320
Euro (EUR)	-	-	-	-

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

7. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Các khoản vay	328.668.800.000	-	328.668.800.000
Phải trả người bán và phải trả khác	114.573.069.014	-	114.573.069.014
Chi phí phải trả	30.331.210	-	30.331.210
Tổng cộng	443.272.200.224	-	443.272.200.224
31/12/2013			
Các khoản vay	396.883.689.894	-	396.883.689.894
Phải trả người bán và phải trả khác	126.253.625.869	-	126.253.625.869



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi phí phải trả	401.042.009	-	401.042.009
Tổng cộng	523.538.357.772	-	523.538.357.772

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.300.029.051	-	4.300.029.051
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.941.248.575	-	116.941.248.575
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	30.000.000	-	30.000.000
Tổng cộng	121.271.277.626	5.025.515.000	126.296.792.626
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.957.346.784	-	3.957.346.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.868.000.563	-	129.868.000.563
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	3.030.000.000	-	3.030.000.000
Tổng cộng	136.855.347.347	5.025.515.000	141.880.862.347

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Công ty con	56,35%
Công ty CP SX Thép Vina One	Liên quan đến TV. HQQT Nguyễn Minh Phúc	

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan (Công ty con) như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Bán hàng	138.304.650
	Mua hàng	-
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Bán hàng	25.743.712
	Cho mượn	55.000.000
	Mua tài sản	1.900.626.886
Công ty CP SX Thép Vina One	Bán hàng	4.950.000.000
	Mua hàng	1.617.766.713

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải thu	6.028.815.859
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Nợ phải thu	1.992.721.313
Công ty CP SX Thép Vina One	Nợ phải thu	3.950.000.000
	Nợ phải trả	1.466.410.727

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm phân bón vô cơ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2014 số lỗ lũy kế của Công ty là 123.133.770.089 VND đã vượt số vốn điều lệ, tuy nhiên số lỗ lũy kế này vẫn nhỏ hơn Vốn chủ sở hữu của Công ty là 9.054.452.899 VND. Như vậy, Công ty không rơi vào tình trạng Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản.

- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 130.226.271.275 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể gặp khó khăn.

Ban Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong 12 tháng tới.



- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.
- Các chủ nợ không có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh là dương, không bị âm.
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc bảo hiểm với giá trị thấp: Không có.



4. Thông tin liên quan đến Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt"

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị Tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,7% so với Tổng tài sản của Tập đoàn; Doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng là 1% so với Doanh thu của toàn Tập đoàn.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng những ảnh hưởng (nếu có) của Công ty con này là không trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Tập đoàn.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

HUYỀN NGHĨA



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014



Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 38205944 - 38205947; Fax: 38205942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xi nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Hình thức sở hữu vốn:

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2014 là **100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Trụ sở chính của công ty: Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các đơn vị thành viên của Công ty:

Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên
Địa chỉ : KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt
Địa chỉ : Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2014 lỗ 40.014.925.070 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2013 lợi nhuận sau thuế lỗ 67.912.077.676 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014 âm 105.415.403.542 VND (Tại thời điểm 31/12/2013 lợi nhuận chưa phân phối âm 65.400.478.472 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Chủ tịch	
Ông CAO THANH ĐỊNH	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 06/11/2014)
Ông NGUYỄN THÀNH THẢO	Thành viên	



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHẦN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Ông NGUYỄN MINH PHÚC	Thành viên	
Ông NGUYỄN TẤN QUỐC	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Ông PHẠM THÁI BÌNH	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06/11/2014)

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông HUỖNH NGHĨA	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Ông HUỖNH NGHĨA	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 13/08/2014)
Ông NGUYỄN TẤN QUỐC	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 13/08/2014)
Ông VŨ XUÂN NGỌC	Phó Tổng Giám đốc	
Bà NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Phó Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 16/04/2014)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Ông ĐẶNG THANH TÙNG	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2014)
Bà TRƯƠNG THỊ HẠNH	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 12/03/2014)
Bà LÊ THỊ SÂM	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 12/03/2014)
Ông HUỖNH THANH ĐIỀN	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)
Bà HUỖNH MINH THƯ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15/03/2014)

Kế toán trưởng Bà NGUYỄN ANH PHƯƠNG**Kiểm toán viên**

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Ngày 03 tháng 03 năm 2015

TM. Hội đồng Quản trị



HUỲNH NGHĨA

Chủ tịch HĐQT



Số: 84.../BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HOÁ SINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp & Phân bón Hoá Sinh, được lập ngày 15/01/2015, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp & Phân bón Hoá Sinh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 29.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 133.624.791.593 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể gặp khó khăn".

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Kiểm toán viên điều hành



PHÙNG VĂN THẮNG
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0650-2013-142-1

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0064-2013-142-1



030501172
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
- TP. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.182.153.710	319.872.505.279
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.396.952.255	1.783.067.324
1. Tiền	111	3	3.396.952.255	1.783.067.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.858.472.646	104.357.568.261
1. Phải thu khách hàng	131		122.869.714.118	129.929.727.613
2. Trả trước cho người bán	132		356.289.540	787.665.410
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	4	389.218.763	396.925.013
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(26.756.749.775)	(26.756.749.775)
IV. Hàng tồn kho	140		90.256.364.111	180.148.164.713
1. Hàng tồn kho	141	5	90.256.364.111	180.148.164.713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.670.364.698	33.583.704.981
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		869.445.600	2.238.142.449
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.044.907.130	25.938.666.084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6	491.207.352	494.207.352
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.264.804.616	4.912.689.096



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.044.170.268	156.311.857.473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.394.107.839	101.641.685.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	33.375.635.900	39.746.757.817
- Nguyên giá	222		77.445.019.408	80.373.121.025
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44.069.383.508)	(40.626.363.208)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	66.018.471.939	61.894.927.188
III. Bất động sản đầu tư	240		3.000.000.000	-
- Nguyên giá	241		3.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	54.533.515.000	54.533.515.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		49.508.000.000	49.508.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		425.000.000	425.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.600.515.000	4.600.515.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		116.547.429	136.657.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19.676.429	39.786.468
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		96.871.000	96.871.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		375.226.323.978	476.184.362.752



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		351.806.945.303	412.750.059.007
I. Nợ ngắn hạn	310		351.806.945.303	412.750.059.007
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	319.507.800.000	366.284.689.894
2. Phải trả người bán	312		20.665.607.967	6.847.835.829
3. Người mua trả tiền trước	313		60.544.201	302.096.449
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.391.358	1.442.999
5. Phải trả người lao động	315		930.473.812	926.675.550
6. Chi phí phải trả	316	14	30.331.210	121.042.010
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	10.608.796.755	39.216.944.216
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	(950.667.940)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	16	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.419.378.675	63.434.303.745
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	23.419.378.675	63.434.303.745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.952.300.000	8.952.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.365.410.395	12.365.410.395
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.909.596.720	8.909.596.720
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(105.415.403.542)	(65.400.478.472)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		375.226.323.978	476.184.362.752



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		13.219.559.679	13.219.559.679
5. Ngoại tệ các loại		330,17	283,37
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯỢNG

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2015
Chủ tịch HĐQT



HUYỀN NGHĨA



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	229.220.982.847	527.494.045.666
2. Các khoản giảm trừ	02	19	229.337.134	1.113.881.125
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	228.991.645.713	526.380.164.541
4. Giá vốn hàng bán	11	21	227.141.333.195	518.079.995.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.850.312.518	8.300.169.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.185.769.300	1.491.149.450
7. Chi phí tài chính	22	23	32.272.981.874	45.503.137.703
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			31.911.795.304	44.652.772.562
8. Chi phí bán hàng	24		3.526.750.700	1.270.167.038
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.484.040.230	32.074.566.771
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.247.690.986)	(69.056.552.664)
11. Thu nhập khác	31		4.573.877.125	7.269.270.388
12. Chi phí khác	32		4.341.111.209	6.124.795.400
13. Lợi nhuận khác	40		232.765.916	1.144.474.988
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(40.014.925.070)	(67.912.077.676)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(40.014.925.070)	(67.912.077.676)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(4.048)	(6.870)

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



HUYỀN NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		252.965.115.344	766.751.992.954
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(118.765.508.843)	(530.856.361.878)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.266.487.364)	(9.919.252.724)
4. Tiền chi trả lãi vay		(31.911.795.304)	(45.502.239.000)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.055.000.000	99.120.538.461
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.717.559.278)	(186.644.426.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		51.358.764.555	92.950.251.322
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.002.839.830)	(18.559.360.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.510.000.000	8.619.252.392
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		524.850.100	1.106.407.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.967.989.730)	(8.833.700.271)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49.530.000.000	249.211.250.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(96.306.889.894)	(337.605.411.106)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(46.776.889.894)	(88.394.161.106)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.613.884.931	(4.277.610.055)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.783.067.324	6.060.677.379
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3.396.952.255	1.783.067.324



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2015
Chủ tịch HĐQT

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG



HUYỄN NGHĨA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacífico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Hình thức sở hữu vốn:

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2014 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật kí chung trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền



Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

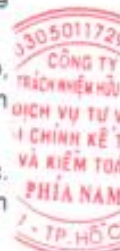
Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí chung được tính hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ hữu hình được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	08-30 năm
Máy móc thiết bị	05-07 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-07 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04-05 năm

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình : phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao 3 năm.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỉ lệ vốn hóa đối với chi phí vốn hóa bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất dở dang.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	31/12/2014	01/01/2014
3. TIỀN	VND	VND
Tiền mặt	712.876.091	416.339.004
Tiền gửi ngân hàng	2.684.076.164	1.366.728.320
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	3.396.952.255	1.783.067.324
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận đã tạm chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu về BHXH	-	-
Các khoản phải thu khác	389.218.763	396.925.013
Tổng cộng	389.218.763	396.925.013
5. HÀNG TỒN KHO	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng gửi đi bán	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	63.524.456.353	155.640.101.431
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	26.731.907.758	24.508.063.282
Tổng cộng	90.256.364.111	180.148.164.713
6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	491.207.352	491.207.352
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	3.000.000
Tổng cộng	491.207.352	494.207.352
7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1.264.804.616	1.912.689.096
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
Tổng cộng	1.264.804.616	4.912.689.096



8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	39.106.268.671	10.505.844.272	28.270.348.858	1.487.244.624	1.003.414.600	80.373.121.025
2. Số tăng trong kỳ	86.385.000	2.776.484.407	1.016.425.672	-	-	3.879.295.079
- Mua sắm mới	-	2.776.484.407	1.016.425.672	-	-	3.792.910.079
- Xây dựng mới	86.385.000	-	-	-	-	86.385.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	6.807.396.696	-	-	6.807.396.696
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.807.396.696	-	-	6.807.396.696
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	39.192.653.671	13.282.328.679	22.479.377.834	1.487.244.624	1.003.414.600	77.445.019.408

II. Giá trị hao mòn lũy kế

1. Số dư đầu năm	22.343.699.083	3.422.759.281	13.019.244.144	1.210.814.425	629.846.275	40.626.363.208
2. Tăng trong kỳ	1.858.720.919	1.576.175.158	2.171.514.072	112.881.819	191.442.418	5.910.734.386
- Khấu hao trong kỳ	1.858.720.919	1.576.175.158	2.171.514.072	112.881.819	191.442.418	5.910.734.386
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.467.714.086	-	-	2.467.714.086
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.467.714.086	-	-	2.467.714.086
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	24.202.420.002	4.998.934.439	12.723.044.130	1.323.696.244	821.288.693	44.069.383.508

III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH

1. Tại ngày đầu năm	16.762.569.588	7.083.084.991	15.251.104.714	276.430.199	373.568.325	39.746.757.817
2. Tại ngày cuối kỳ	14.990.233.669	8.283.394.240	9.756.333.704	163.548.380	182.125.907	33.375.635.900

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.428.549.383 VND.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm			-
Bao gồm:			
- Mua trong năm		-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN		-	-
- Tăng do hợp nhất KD		-	-
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		85.000.000	85.000.000
2. Số tăng trong năm		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm		85.000.000	85.000.000
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm		-	-
2. Tại ngày cuối năm		-	-



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**Báo cáo tài chính riêng**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG	31/12/2014		01/01/2014	
		VND		VND
Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	10.198.797.442		10.198.797.442	
Chế tạo hệ thống máy nghiền, ống sấy	55.819.674.497		51.696.129.746	
Tổng cộng	66.018.471.939		61.894.927.188	

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	31/12/2014				01/01/2014			
		% biểu quyết	VND		% biểu quyết	VND		VND
11.1. Đầu tư vào công ty con								
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	100%		45.000.000.000	100%		45.000.000.000		
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	56,35%		4.508.000.000	56,35%		4.508.000.000		
11.2. Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường	(*)		425.000.000			425.000.000		
11.3. Đầu tư dài hạn khác								
Cổ phiếu công ty cổ phần Mộc Hóa (MJC)	Số lượng			Số lượng				
	173.379		1.733.790.000	173.379		1.733.790.000		
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	344.489		2.866.725.000	305.982		2.866.725.000		
Tổng cộng			54.533.515.000			54.533.515.000		

Ghi chú: () Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh góp 39% vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000đ). Đến thời điểm 31/12/2014 số vốn thực tế đã góp là 425.000.000 đ.*



12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2014		01/01/2014	
		VND		VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng:		318.507.800.000		364.984.689.894
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VND) (1)		318.507.800.000		345.484.689.894
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND)		-		19.500.000.000
Vay cá nhân: (2)		1.000.000.000		1.300.000.000
- Dương Tiến Dũng		1.000.000.000		1.000.000.000
- Đinh Thị Thủy Lang		-		300.000.000
Tổng cộng		319.507.800.000		366.284.689.894

Ghi chú:

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất 7% đến 9%/năm.

(2): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay vốn, với lãi suất 12%/năm.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.391.358	1.442.999
Tổng cộng	3.391.358	1.442.999
14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
Lãi vay phải trả	20.000.000	110.710.800
Chiết khấu bán hàng	-	-
Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
Tổng cộng	30.331.210	121.042.010
15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NỢ KHÁC		
BHXH, BHYT, BHTN	(33.279.013)	(5.442.184)
Kinh phí công đoàn	244.305.198	259.229.830
Cổ tức phải trả	656.570	656.570
Mượn tạm vốn kinh doanh: (*)		
+ Ông Huỳnh Thanh Liêm	-	5.576.321.000
+ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	-	16.000.000.000
+ Bà Ôn Lệ Hồng	10.381.114.000	15.870.179.000
+ Cty TNHH SX TM Thiên Thành Lộc	-	1.500.000.000
Phải trả khác	16.000.000	16.000.000
Tổng cộng	10.608.796.755	39.216.944.216
<i>Ghi chú: (*) là các khoản Công ty tạm vay không phải trả lãi vay.</i>		
16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ		
Vay dài hạn nội bộ	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Tổng cộng	-	-



17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	-	12.365.410.395	8.909.596.720	2.511.599.204	131.346.381.421
- Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(67.912.077.676)	(67.912.077.676)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	-	12.365.410.395	8.909.596.720	(65.400.478.472)	63.434.303.745
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(40.014.925.070)	(40.014.925.070)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	-	12.365.410.395	8.909.596.720	(105.415.403.542)	23.419.378.675

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	9.435.000.000	9,43%	9.435.000.000	9,43%
Vốn góp của các đối tượng khác	90.565.000.000	90,57%	90.565.000.000	90,57%
Cộng	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	114.410	114.410

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :		

e) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

f) Các quỹ của công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.365.410.395	12.365.410.395
- Quỹ dự phòng tài chính	8.909.596.720	8.909.596.720
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị - dây chuyền công nghệ, và bổ sung vốn điều lệ của công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính: Nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của công ty.



CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	229.220.982.847	527.494.045.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	229.220.982.847	527.494.045.666

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	52.440.000	179.357.476
Hàng bán bị trả lại	176.897.134	934.523.649
Tổng cộng	229.337.134	1.113.881.125

20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	228.991.645.713	526.380.164.541
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	228.991.645.713	526.380.164.541

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	227.141.333.195	518.079.995.143
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Tổng cộng	227.141.333.195	518.079.995.143

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.091.076.636	352.892.202
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	699.822.091
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	367.632.075
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	94.692.664	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	70.803.082
Tổng cộng	1.185.769.300	1.491.149.450

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	31.911.795.304	44.652.772.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	361.186.570	846.025.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.339.422

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi phí tài chính khác (dự phòng)	-	-
Tổng cộng	32.272.981.874	45.503.137.703
24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	-

Ghi chú:

Công ty bắt đầu áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN từ năm tài chính 2006.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động sản xuất phân bón (đến hết năm 2014);
- Miễn thuế TNDN 02 năm (2006-2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (2008-2012).

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết toán của cơ quan thuế.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(40.014.925.070)	(67.912.077.676)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.048)	(6.870)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.527.836.436	435.725.577.810
Chi phí nhân công	9.033.376.741	8.341.712.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.910.734.386	5.528.281.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.463.169.934	3.124.997.771
Chi phí khác bằng tiền	8.215.257.321	34.182.846.504
Tổng cộng	189.150.374.818	486.903.416.166

27. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương	698.346.154	653.109.150
Thù lao	-	-
Tổng cộng	<u>698.346.154</u>	<u>653.109.150</u>



28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02.

3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.396.952.255	1.783.067.324
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.502.183.106	103.569.902.851
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	-	3.000.000.000
Tổng cộng	104.924.650.361	113.378.485.175
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	319.507.800.000	366.284.689.894
Phải trả người bán và phải trả khác	31.274.404.722	46.064.780.045
Chi phí phải trả	30.331.210	121.042.010
Tổng cộng	350.812.535.932	412.470.511.949

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn được xác định tương đương với giá trị ghi số.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá trên khả năng trả nợ của từng khách hàng, Công ty sẽ ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi số tại ngày 31/12/2014.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

5. Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	330,17	4.581.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.472.687,60	31.469.357.366
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	1.473.017,77	31.473.939.135
Nợ tài chính		
Các khoản vay		
Phải trả người bán và phải trả khác	36.400,00	772.411.600
Cộng	36.400,00	772.411.600
	Tại ngày 01/01/2014	
	USD	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	283,37	7.202.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.144.680,10	24.064.720.746
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	1.144.963,47	24.071.923.084
Nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	36.400,00	780.922.000
Cộng	36.400,00	780.922.000



Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

7. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	319.507.800.000		319.507.800.000
Phải trả người bán và phải trả khác	31.274.404.722		31.274.404.722
Chi phí phải trả	30.331.210		30.331.210
Tổng cộng	350.812.535.932	-	350.812.535.932
Tại ngày 01/01/2014			
Các khoản vay	366.284.689.894		366.284.689.894
Phải trả người bán và phải trả khác	46.064.780.045		46.064.780.045
Chi phí phải trả	121.042.010		121.042.010
Tổng cộng	412.470.511.949	-	412.470.511.949

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.396.952.255		3.396.952.255
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.502.183.106		96.502.183.106

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH
Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn		5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng cộng	99.899.135.361	5.025.515.000	104.924.650.361
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.783.067.324		1.783.067.324
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.569.902.851		103.569.902.851
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn		5.025.515.000	5.025.515.000
Tài sản tài chính khác	3.000.000.000		3.000.000.000
Tổng cộng	108.352.970.175	5.025.515.000	113.378.485.175



29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1 Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Sở hữu vốn</u>
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Công ty con	56,35%
Công ty CP SX Thép Vina One	Liên quan đến TV. HĐQT Nguyễn Minh Phúc	

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Bán hàng	138.304.650
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Bán hàng	103.233.494
	Cho mượn	55.000.000
	Mua tài sản	1.900.626.886
Công ty CP SX Thép Vina One	Bán hàng	4.950.000.000
	Mua hàng	1.617.766.713



Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải thu	6.028.815.859
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Nợ phải thu	1.992.721.313
Công ty CP SX Thép Vina One	Nợ phải thu	3.950.000.000
	Nợ phải trả	1.466.410.727

29.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm phân bón vô cơ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29.3 Hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2014 số lỗ lũy kế của Công ty là 105.415.403.542 VND đã vượt số vốn điều lệ, tuy nhiên số lỗ lũy kế này vẫn nhỏ hơn Vốn chủ sở hữu của Công ty là 23.419.378.675 VND. Như vậy, Công ty không rơi vào tình trạng Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản.

- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 133.624.791.593 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể gặp khó khăn.

Ban Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong 12 tháng tới.

- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.

- Các chủ nợ không có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.

- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh là dương, không bị âm.

- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.

- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.

- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.

- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.

- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có.

- Gặp khó khăn về lao động: Không có.

- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.

- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.

- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.

- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.

- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

29.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Chủ tịch HĐQT

TRẦN THỊ HUYỀN

NGUYỄN ANH PHƯƠNG



HUYỀN NGHĨA